

**CÔNG TY TNHH MÁY MAY NGHIÊM TRANG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MÁY MAY NGHIÊM TRANG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NGHIEM TRANG SEWING MACHINE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2400859897

**3. Ngày thành lập:** 19/03/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tổ dân phố Mai Độ, Phường Đa Mai, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0974016665

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                            | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải                                                                  | 5229        |
| 2.  | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                            | 5510        |
| 3.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                       | 4933        |
| 4.  | Sản xuất máy chuyên dụng khác<br>Chi tiết: Sản xuất, gia công, sửa chữa máy móc thiết bị liên quan đến ngành may mặc | 2829        |
| 5.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                 | 4641        |
| 6.  | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                       | 1410(Chính) |
| 7.  | Sản xuất sản phẩm từ da lông thú                                                                                     | 1420        |
| 8.  | Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc                                                                                 | 1430        |
| 9.  | Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)                                                                               | 1392        |
| 10. | Sản xuất thảm, chăn, đệm                                                                                             | 1393        |
| 11. | Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu                                                               | 1399        |
| 12. | In ấn                                                                                                                | 1811        |
| 13. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                             | 1812        |
| 14. | Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn                                                                               | 3311        |
| 15. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                           | 3312        |
| 16. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                               | 3313        |
| 17. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                               | 3314        |
| 18. | Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)                            | 3315        |
| 19. | Sửa chữa thiết bị khác                                                                                               | 3319        |
| 20. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                              | 3320        |

|     |                                                                                                                                                                                            |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 21. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                            | 4751 |
| 22. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                           | 4771 |
| 23. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                   | 4782 |
| 24. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                         | 4649 |
| 25. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Kinh doanh máy móc, thiết bị và phụ tùng liên quan đến ngành may mặc                                                          | 4659 |
| 26. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                          | 4690 |
| 27. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị và phụ tùng liên quan đến ngành may mặc                             | 7730 |
| 28. | Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú                                                                                                                                              | 1511 |
| 29. | Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm                                                                                                                             | 1512 |
| 30. | Sản xuất giày, dép                                                                                                                                                                         | 1520 |
| 31. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất, nhập khẩu hàng hóa công ty kinh doanh và sản xuất.                                              | 8299 |
| 32. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. | 4669 |
| 33. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                                     | 4620 |
| 34. | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                                                             | 4631 |
| 35. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                         | 4632 |
| 36. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                     | 7710 |
| 37. | Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác                                                                                                                                                  | 7729 |
| 38. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                       | 4711 |
| 39. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                    | 4759 |
| 40. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                | 4753 |
| 41. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                | 5210 |
| 42. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                                                    | 5225 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: LƯƠNG MẠNH NGHIÊM

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 04/10/1988 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 121818077

Ngày cấp: 26/07/2010

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Giang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố Mai Độ, Phường Đa Mai, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Tổ dân phố Mai Độ, Phường Đa Mai, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LƯƠNG MẠNH NGHIÊM

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 04/10/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 121818077

Ngày cấp: 26/07/2010

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Giang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố Mai Độ, Phường Đa Mai, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Tổ dân phố Mai Độ, Phường Đa Mai, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang